

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
QUẬN BÌNH THẠNH
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 681/2021/DS-ST

Ngày: 27/5/2021

V/v: “*Tranh chấp hợp đồng tín dụng*”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN BÌNH THẠNH – THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Thị Minh Thảo

Các hội thẩm nhân dân: 1/ Bà Bùi Thị Cẩm Vân

2/ Bà Nguyễn Thanh Phước

Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa: Bà Trịnh Thị Thu Hà – Cán bộ Tòa án nhân dân quận Bình Thạnh, Thành phố Hồ Chí Minh

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Bình Thạnh tham gia phiên tòa:
Bà Phan Hoàng Anh – Kiểm sát viên

Ngày 27 tháng 5 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân quận Bình Thạnh, thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai đối với vụ án dân sự thụ lý số 2314/2019/TLST-DS ngày 12/12/2019, về việc “*Tranh chấp hợp đồng tín dụng*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 88/2021/QĐST-DS ngày 13/4/2021 và Quyết định hoãn phiên tòa số 65/2021/QĐST-DS ngày 04/5/2021, giữa:

1. Nguyên đơn: **Ngân hàng TT**

Địa chỉ: Lầu 8, số 266-268 N K K N, Phường 8, Quận C, TP. Hồ Chí Minh;

Người đại diện theo ủy quyền: Ông L N M, sinh năm 1970;

Địa chỉ: Lầu 8, số 266-268 N K K N, Phường 8, Quận C, TP. Hồ Chí Minh.

2. Bị đơn: Bà **N T P T**, sinh năm 1979;

Địa chỉ: 139/11 Ng T T, Phường A, quận B, TP. Hồ Chí Minh.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Ông L N M là người đại diện theo ủy quyền của Ngân hàng T T là nguyên đơn trình bày: Ngày 03/10/2012, bà N T P T có ký Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kèm hợp đồng với Ngân hàng T T (gọi tắt là Ngân hàng) để được sử dụng hai thẻ tín dụng thẻ Visa Credit Classic 472074-7922, thẻ Family Local Credit New 970403 – 3170 với hạn mức sử dụng chung là 24.000.000 đồng, với mục đích tiêu dùng cá nhân. Sau khi được cấp thẻ tín dụng, bà T đã thực hiện các giao dịch với

tổng số tiền 336.653.930 đồng, trong đó thẻ Visa Credit Classic 472074-7922 là 78.433.930 đồng, thẻ Family Local Credit New 970403 – 317 là 258.220.000 đồng. Quá trình sử dụng thẻ, từ ngày kích hoạt thẻ đến nay bà T đã thanh toán cho Ngân hàng số tiền 342.551.174 đồng. Qua nhiều lần làm việc, nhắc nhở nhưng bà T vẫn không có thiện chí trả nợ. Ngày 11/11/2017 và 23/11/2017, Ngân hàng đã lần lượt chấm dứt quyền sử dụng 02 thẻ tín dụng trên của bà T và chuyển toàn bộ dư nợ còn thiếu sang nợ quá hạn. Nay Ngân hàng yêu cầu bà T phải thanh toán số tiền nợ tổng cộng là 63.233.790 đồng, gồm: Nợ gốc là 26.315.603 đồng và nợ lãi quá hạn 35.354.884 đồng, tính từ ngày 11/8/2007 đến ngày 05/3/2021, thanh toán một lần khi bản án có hiệu lực pháp luật và bà T phải chịu tiền lãi phát sinh theo hợp đồng kể từ ngày 06/3/2021 cho đến khi thanh toán hết nợ.

Sau khi thụ lý hồ sơ, Tòa án đã tiến hành niêm yết hợp lệ thông báo thụ lý vụ án, giấy triệu tập đương sự, thông báo về phiên họp kiểm tra giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải cũng như quyết định đưa vụ án ra xét xử đối với bà N T P T, nhưng phía bà T vẫn vắng mặt, cố tình trốn tránh trách nhiệm và không hợp tác với Tòa án trong quá trình giải quyết vụ án.

Tòa án tiến hành hòa giải để các bên đương sự thỏa thuận với nhau về việc giải quyết vụ án, tuy nhiên bà N T P T vắng mặt, không đến Tòa án và không cung cấp thêm chứng cứ nào khác, nên Tòa án lập biên bản về việc không tiến hành hòa giải được.

Ngày 19/4/2021, ông L N M là người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt.

Tại phiên tòa hôm nay:

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Bình Thạnh phát biểu quan điểm:

- Về thủ tục tố tụng: Tòa án đưa vụ án ra xét xử là quá thời hạn chuẩn bị xét xử theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Còn trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, Thẩm phán phân công giải quyết vụ án và Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng theo trình tự thủ tục tố tụng của pháp luật tố tụng dân sự. Nguyên đơn đã thực hiện đúng quyền, nghĩa vụ tố tụng quy định tại Bộ luật tố tụng dân sự. Bị đơn chưa thực hiện các quyền, nghĩa vụ theo quy định tại Bộ luật tố tụng dân sự

- Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn.

XÉT THẤY:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

[1.1] Về quan hệ tranh chấp: Yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về việc “Tranh chấp hợp đồng tín dụng” là tranh chấp về dân sự thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án theo quy định tại khoản 3 Điều 26 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[1.2] Về thẩm quyền giải quyết vụ án: Bị đơn bà N T P T cư trú tại Phường A, quận B, Thành phố Hồ Chí Minh nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân quận Bình Thạnh, thành phố Hồ Chí Minh theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[1.3] Về thủ tục tố tụng: Ngày 19/4/2021, ông L N M là người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt. Căn cứ khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vụ án vắng mặt ông Minh.

Tòa án đã triệu tập hợp lệ cho bị đơn là bà N T P T tham gia phiên tòa vào các ngày nhưng bà Vẫn vắng mặt, không có lý do. Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử vắng mặt bà Thảo.

[2] Về yêu cầu của các đương sự: Nguyên đơn yêu cầu bị đơn phải thanh toán số tiền nợ tổng cộng là 63.233.790 đồng, gồm: Nợ gốc là 26.315.603 đồng và nợ lãi quá hạn 35.354.884 đồng, tính từ ngày 11/8/2007 đến ngày 05/3/2021, thanh toán một lần kể ngày bản án có hiệu lực pháp luật và bà T phải chịu tiền lãi phát sinh theo hợp đồng kể từ ngày 06/3/2021 cho đến khi thanh toán hết nợ. Hội đồng xét xử nhận thấy: Theo Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kèm hợp đồng thể hiện ngày 03/10/2012, bà N T P T đã đề nghị Ngân hàng cấp 02 thẻ tín dụng là thẻ Visa Credit Classic 472074-7922 và thẻ Family Local Credit New 970403 – 3170 với hạn mức tín dụng chung là 24.000.000 đồng. Trong quá trình sử dụng thẻ, bà T đã thực hiện các giao dịch với tổng số tiền là 336.653.930 đồng và đã thanh toán cho ngân hàng số tiền là 342.551.174 đồng.

Trong thời gian thực hiện việc trả nợ, bị đơn đã nhiều lần không thực hiện việc thanh toán đúng hạn, mặc dù nguyên đơn đã nhiều lần yêu cầu bị đơn thanh toán tiền nợ nhưng bị đơn không thực hiện nghĩa vụ trả nợ vay. Việc vi phạm của bị đơn trong một thời gian dài làm ảnh hưởng đến quyền lợi của nguyên đơn. Do đó, nguyên đơn yêu cầu bị đơn phải thanh toán số tiền nợ tổng cộng là 63.233.790 đồng, gồm: Nợ gốc là 26.315.603 đồng và nợ lãi quá hạn 35.354.884 đồng, tính từ ngày 11/8/2007 đến ngày 05/3/2021, thanh toán một lần kể ngày bản án có hiệu lực pháp luật và bà T phải chịu tiền lãi phát sinh theo hợp đồng kể từ ngày 06/3/2021 cho đến khi thanh toán hết nợ là phù hợp với quy định tại Điều 463, 466 Bộ luật dân sự năm 2015; khoản 2 Điều 91 Luật các tổ chức tín dụng năm 2010; Thông tư số 12/2010/TT-NHNN ngày 14/4/2010 của Ngân hàng Nhà nước hướng

dẫn tổ chức tín dụng cho vay bằng đồng Việt Nam đối với khách hàng theo lãi suất thỏa thuận; Thông tư số 01/2009/TT-NHNN ngày 23/01/2009 của ngân hàng Nhà nước Việt Nam hướng dẫn về lãi suất thỏa thuận của tổ chức tín dụng đối với cho vay các nhu cầu vốn phục vụ đời sống, cho vay thông qua nghiệp vụ phát hành và sử dụng thẻ tín dụng, nên yêu cầu của nguyên đơn là có cơ sở chấp nhận.

[3] Đối với bị đơn, trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tiến hành thủ tục tổng đạt theo quy định của pháp luật nhưng bị đơn vắng mặt tại phiên họp việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải cũng như tham gia phiên tòa nhưng bị đơn vắng mặt, không có lý do cũng không cung cấp các chứng cứ nào khác đối với yêu cầu của nguyên đơn, thể hiện bị đơn thiếu tinh thần thiện chí trong việc thanh toán nợ và bị đơn đã tự từ bỏ quyền tranh tụng tại tòa để bảo vệ quyền lợi cho mình. Do vậy, Hội đồng xét xử không có cơ sở để xem xét cho quyền lợi của bị đơn.

[4] Đối với phần phát biểu của đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Bình Thạnh, Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa giải quyết vụ án, Hội đồng xét xử thấy: Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Bình Thạnh, Thành phố Hồ Chí Minh đã nhận định đúng về thủ tục tố tụng, phân tích đúng nội dung của vụ án và đưa ra ý kiến giải quyết vụ án đúng theo quy định của pháp luật.

[5] Về án phí, do toàn bộ yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận nên bị đơn phải chịu toàn án phí dân sự sơ thẩm. Hoàn trả cho nguyên đơn số tiền tạm ứng án phí đã nộp trong vụ án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 91, Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227, Điều 266, Điều 271, Khoản 1 Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 463, 466 Bộ luật Dân sự; Điều 91, Điều 95 Luật các tổ chức tín dụng Điều 7, Điều 8, Điều 13 của Nghị quyết 01/2019/NQ-HĐTP của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn áp dụng một số quy định về của pháp luật về lãi, lãi suất, phạt vi phạm; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1/ Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng T T

Bà N T P T phải thanh toán cho Ngân hàng T T số tiền tổng cộng là 63.233.790 đồng, gồm: Nợ gốc là 26.315.603 đồng và nợ lãi quá hạn là 35.354.884

đồng, tính từ ngày 11/8/2007 đến ngày 05/3/2021, thanh toán một lần kể ngày bản án có hiệu lực pháp luật. Bà T phải chịu tiền lãi phát sinh theo hợp đồng kể từ ngày 06/3/2021 cho đến khi thanh toán hết nợ

2/ Về án phí dân sự sơ thẩm: Bà N T P T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 3.161.690 đồng, nộp tại Chi cục thi hành án dân sự quận Bình Thạnh, thành phố Hồ Chí Minh.

Hoàn tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm là 1.181.000 đồng cho Ngân hàng T T theo biên lai thu số 0017269 ngày 02/12/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự quận Bình Thạnh, thành phố Hồ Chí Minh.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

3/ Quyền kháng cáo: Ngân hàng T T, bà N T P T có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày được tổng đạt hoặc niêm yết hợp lệ bản án.

Nơi nhận:

- TAND TPHCM;
- VKSND quận Bình Thạnh;
- THADS quận Bình Thạnh;
- Đường sự;
- Lưu hồ sơ, VP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

Lê Thị Minh Thảo

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
QUẬN BÌNH THẠNH
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

BIÊN BẢN NGHỊ ÁN

Vào hồi 09 giờ 00 phút ngày 27/5/2021 tại phòng nghị án Tòa án nhân dân quận Bình Thạnh

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Thị Minh Thảo

Các hội thẩm nhân dân: 1/ Bà Nguyễn Thanh Phước

2/ Bà Bùi Thị Cẩm Vân

Đã nghị án về vụ án dân sự sơ thẩm thụ lý số 2314/2019/TLST-DS ngày 12/12/2019, về việc “Tranh chấp hợp đồng tín dụng” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 88/2021/QĐST-DS ngày 13/4/2021 và Quyết định hoãn phiên tòa số 65/2021/QĐST-DS ngày 04/5/2021, giữa:

Nguyên đơn: Ngân hàng T T Tín;

Địa chỉ: Lầu 8, 266-268 đường Nam Kỳ Khởi Nghĩa, Phường 8, Quận 3, TP. Hồ Chí Minh;

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Lã Ngọc Minh, sinh năm 1970;

Địa chỉ: Lầu 8, 266-268 đường Nam Kỳ Khởi Nghĩa, Phường 8, Quận 3, TP. Hồ Chí Minh.

Bị đơn: Bà Nguyễn Thị Phương Thảo, sinh năm 1979;

Địa chỉ: 139/11 Ngô Tất Tố, Phường 22, quận Bình Thạnh, TP. Hồ Chí Minh.

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, Hội đồng xét xử thảo luận và biểu quyết nhất trí với tỷ lệ 3/3 từng vấn đề như sau:

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 91, Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227, Điều 266, Điều 271, Khoản 1 Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 463, 466 Bộ luật Dân sự; Điều 91, Điều 95 Luật các tổ chức tín dụng Điều 7, Điều 8, Điều 13 của Nghị quyết 01/2019/NQ-HĐTP của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn áp dụng một số quy định về của pháp luật về lãi, lãi suất, phạt vi phạm; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1/ Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng T T Tín

Bà N T P Phải thanh toán cho Ngân hàng T T Tín số tiền tổng cộng là 63.233.790 đồng, gồm: Nợ gốc là 26.315.603 đồng và nợ lãi quá hạn 35.354.884 đồng, tính từ ngày 11/8/2007 đến ngày 05/3/2021, thanh toán một lần kể ngày bản án có hiệu lực pháp luật. Bà Phải chịu tiền lãi phát sinh theo hợp đồng kể từ ngày 06/3/2021 cho đến khi thanh toán hết nợ

2/ Về án phí dân sự sơ thẩm: Bà N T P Tphải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 3.161.690 đồng, nộp tại Chi cục thi hành án dân sự quận Bình Thạnh, thành phố Hồ Chí Minh.

Hoàn tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm là 1.181.000 đồng cho Ngân hàng T TTín theo biên lai thu số 0017269 ngày 02/12/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự quận Bình Thạnh, thành phố Hồ Chí Minh.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

3/ Quyền kháng cáo: Ngân hàng T TTín, bà N T P Tcó quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày được tổng đạt hoặc niêm yết hợp lệ bản án.

Kết quả biểu quyết: 3/3.

Biên bản kết thúc lúc 09 giờ 50 phút cùng ngày, các thành viên trong Hội đồng xét xử tự đọc lại, thống nhất và ký tên.

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
HỘI THẨM NHÂN DÂN THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Lê Thị Minh Thảo